TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH THUẬN** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 09-4-2019
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Hiển

2. Bà Quách Thị Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Tâm - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 171/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2018 về việc "tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/3/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1983 (Có mặt)

2. Bị đơn: Anh Trương Khởi T, sinh năm 1980 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Đ, xã Đ, huyện V, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/12/2018 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim N trình bày*:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh T kết hôn năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phong Đông. Bắt đầu chung sống với nhau vợ chồng chị thường xuyên mâu thuẫn do anh T mỗi lần uống rượu về chưởi xúc phạm chị N, bất đồng quan điểm. Từ năm 2016 cho đến nay mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, anh T không lo làm ăn mà ham chơi thường xuyên cờ bạc, đánh đập, chà đạp, xúc phạm danh dự nhân phẩm của chị. Nay chị N yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị N xác định vợ chồng có 01 con chung tên Trương Nguyễn Cao Kỳ D, giới tính nữ, sinh ngày 05/7/2006, cháu D sống chung với vợ chồng tại Khu phố Vĩnh Phước 2, thị trấn Vĩnh Thuận, chị yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết và cũng không nợ ai.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/02/2019 bị đơn anh Trương khởi T trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Thống nhất lời trình bày của chị N về quan hệ hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng là do làm kinh tế thất bại có lời qua tiếng lại cự cải và có đánh chị N. Anh T không đồng ý ly hôn với chị N xin được hàn gắng.

- *Về con chung*: Thống nhất lời trình bày của chị N về con chung, anh xác định con anh có nguyện vọng chung sống với ai thì người đó nuôi, không ai cấp dưỡng.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết và cũng không nợ ai.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành tốt các quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định; tuy nhiên bị đơn vi phạm những quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim N đối với anh Trương Khởi T. Về con chung giao cháu Trương Nguyễn Cao Kỳ D, giới tính nữ, sinh ngày 05/7/2006 cho chị N nuôi dưỡng, về cấp dưỡng không yêu cầu nên không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn anh Trương Khởi T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Xét thấy, sự vắng mặt của anh T không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh T.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Nguyên đơn chị N yêu cầu ly hôn với bị đơn anh T và yêu cầu nuôi con chung. Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh

chấp trong vụ án là "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện nên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận thụ lý giải quyết là phù hợp.

[3] *Về nội dung vụ án:* Chị N và anh T xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2005, anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND Phong Đông và được cấp giấy đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, hôn nhân ngày càng trầm trọng khi vợ chồng không thương yêu, quý trọng, chăm sóc giúp đỡ nhau, anh T có hành vi ngược đãi, hành hạ, đánh đập, xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm của chị N mặc dù đã được gia đình hòa giải nhiều lần. Nay chị N yêu cầu ly hôn, anh T không đồng ý ly hôn nhưng anh không có biện pháp nào hàn gắng hạnh phúc gia đình để chị N tiếp tục chung sống với anh T. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị đã trầm trọng, cuộc sống chung không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó áp dụng Điều 56 (*Ly hôn theo yêu cầu của một bên*) của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho chị N được ly hôn với anh T.

[3] *Về con chung*: Theo lời trình bày của chị N, anh T xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng chị có 01 người con chung tên Trương Nguyễn Cao Kỳ D, giới tính nữ, sinh ngày 05/7/2006, hiện cháu D đang sống với chị N, anh T, chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Xét thấy nguyện vọng của cháu D được sống chung với chị N khi cha mẹ cháu ly hôn, có chính quyền địa phương xác nhận chị N đủ điều kiện nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81 *(quy định về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn)* của Luật hôn nhân và gia đình 2014, giao cháu Trương Nguyễn Cao Kỳ D, giới tính nữ, sinh ngày 05/7/2006 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con, anh T được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị N, anh T xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết và không nợ ai nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí sơ thẩm*: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ, chị N chịu toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim N được ly hôn với anh Trương khởi T.

2. Về con chung: Giao cháu Trương Nguyễn Cao kỳ D, giới tính nữ, sinh ngày 05/7/2006 cho chị Nguyễn Thị Kim N trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh T được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị N, anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Kim N chịu 300.000đ tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0002192 ngày 06/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

5. Nguyên đơn chị N có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (09/4/2019); bị đơn anh Trương Khởi T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND xã Phong Đông (nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Phượng